

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Tribeco Bình Dương

Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3768771

Fax: 0247 3766149

E-mail: hcns.bd@tribeco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3702023469

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Điều 12 Nghị định 15/2018/NĐ-CP *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm* (Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận FSSC 22000).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC CHANH TẮC HOÀNG KIM TRIC**

2. Thành phần: Nước, đường HFCS, nước tắc (7,2 g/l), nước táo cô đặc (3,5 g/l), hương liệu (tắc, mật ong) giống tự nhiên, chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii), 296), nước chanh cô đặc (2 g/l), chất chống oxy hóa (316), chất làm dày (414), phẩm màu tự nhiên (101(ii)), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (955).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Đóng lon với thể tích thực ở 20 °C: 320 ml hay theo nhu cầu thị trường.

+ Đóng khay, thùng với thể tích thực ở 20 °C: 7,68 L (24 lon x 320 ml) hay theo nhu cầu của thị trường.

- Chất liệu bao bì: Lon nhôm, nắp nhôm. Bao bì đạt chất lượng trong thực phẩm.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ: Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC
Địa chỉ: Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã hóa và địa chỉ nơi sản xuất: xem bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất: TCCS số: 01-NGK/TBCBD/2025.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 1 tháng 1 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu) 梁冲



2023
CÔNG
TY
TRIB
EC
O
BÌNH
DƯƠNG
V AN-

CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG	NƯỚC CHANH TẮC HOÀNG KIM TRIC	TCCS số: 01-NGK/TBCBD/2025
------------------------------------	----------------------------------	-------------------------------

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dung dịch dạng lỏng.
2	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3	Mùi vị	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng	kcal/100 ml	32 - 48	Tự công bố
2	Carbohydrat	g/100 ml	8,0 – 12,0	
3	Đường tổng số	g/100 ml	7,7 – 11,5	
4	Natri	mg/100 ml	≤ 30	

3. Chỉ tiêu vi sinh vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	100
2	Coliform	CFU/ml	10
3	<i>E. Coli</i>	CFU/ml	Không được có
4	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	Không được có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	Không được có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	Không được có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	Không được có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/ml	10

4. Chỉ tiêu kim loại nặng:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì	mg/l	0,05

5. Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Diphenylamin	mg/l	0,5
2	Propargit	mg/l	0,2
3	Piperonyl butoxid	mg/l	0,05

6. Chỉ tiêu độc tố vi nấm:

Phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Patulin	µg/kg	50





CROWN

VUNGTAU PRINT ROOM CONCORD 330ML KEYLINE

Pre-Code:
CVT SL330

Gold

Yellow

Green

Red

Blue

White

Aluminum

TRIBECO

NƯỚC CHANH TẮC HOÀNG KIM

Amount: CVT SL330 B0778-02
NO. DATE: / / Date: 18/06/2024

TRIC

NƯỚC CHANH TẮC
HOÀNG KIM

TRIC

GOLDEN KUMQUAT
& LEMON DRINK



Thể tích thực ở 20 °C:
320 ml

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa
cho sản phẩm

Net content at 20 °C:
320 ml

181 mm

140.5 mm

NƯỚC CHANH TẮC HOÀNG KIM TRIC

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	40 kcal
Carbohydrate	100g
Đường tổng số	9.6g
Natri	≤ 30 mg

Thành phần: Nước đường HFCS, nước tắc (72 g/L), nước táo có đặc (3.5 g/L), hương liệu (tức: một số) giáng tự nhiên, chất điều chỉnh độ acid (330, 331 (III), 296), nước chanh có đặc (2 g/L), chất chống oxy hóa (316), chất làm dày (414), phẩm màu tự nhiên (101 (II)), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (955).

Hướng dẫn sử dụng:
Lắc đều nước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Được làm từ nước tắc, nước táo có đặc và nước chanh có đặc nên các thành phần có thể bị lắng, tuy nhiên chất lượng không thay đổi, vẫn an toàn để sử dụng.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thùng kín cảnh báo:
Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng
NXX & HSD. Xem dưới đây icon

Số TCE: 01-HKCT/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2023

Un-President
TRIBECO

Sản phẩm của:
CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam
Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố
Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Sản xuất tại:
B1 CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam
Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố
Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
H. CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Đường số 8 khu công nghiệp Yên Mỹ II,
Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên,
Việt Nam.

Tư vấn khách hàng:
Chamcoch@hangtribeco.com.vn
Đường dây nóng:
0274 - 3759884 / 0271 - 6283628



Sản xuất tại Việt Nam.



梁子冲
LIAN LI KUN

Nguyen
Do Thu Hoa

Le Dung



**NƯỚC CHANH TẮC
HOÀNG KIM**



Thể tích thực ở 20 °C:
320 ml

**Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa
cho sản phẩm*



**GOLDEN KUMQUAT
& LEMON DRINK**



Net content at 20 °C:
320 ml

181 mm

NƯỚC CHANH TẮC HOÀNG KIM TRIC

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 ml	
Năng lượng	40 kcal
Carbohydrat	10,0 g
Dường tổng số	9,6 g
Natri	≤ 30 mg

Thành phần: Nước, đường HFCS, nước, tác 17,2 g/l, nước táo có đặc (3,5 g/l), hương liệu (tác 0,01 g/l), phẩm màu tự nhiên (tác 0,01 g/l), chất chống oxy hóa (316), chất làm dày (414), phẩm màu tự nhiên (10100), muối, chất tạo ngọt tổng hợp (955).

Hướng dẫn sử dụng:
Lắc đều trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh. Được làm từ nước, tác, nước táo có đặc và nước chanh có đặc nên các thành phần có thể bị lắng, tuy nhiên chất lượng không thay đổi, vẫn an toàn để sử dụng.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời.

Thông tin cảnh báo:
Không dùng sản phẩm quá hạn sử dụng.
MSX & MSD: Xem dưới đây lớn.
SỐ TCB: 01-NGK/TRIBECO BÌNH DƯƠNG/2025



TRIBECO

Sản phẩm của:
CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam
- Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố
Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Sản xuất tại:
B: CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG
Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam
- Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố
Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
H: CÔNG TY TNHH TRIBECO MIỀN BẮC
Đường D2 Khu công nghiệp Yên Mỹ II,
Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên,
Việt Nam.

Tư vấn khách hàng:
Chăm sóc khách hàng@tribeco.com.vn
Đường dây nóng:
0274 - 3769884 / 0221 - 6283628



Sản xuất tại Việt Nam.

140.5 mm



Thầy Tường

Ng. Linh *Đ. Thuý Hà*

Đ. Dung *08.03.2025*

Nguyễn Văn
Nguyễn Văn

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/Date of issue: 06/01/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y278L0122

Mã KQ/ RP. No: 001092120.01

(Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả Mã số 1Y278L0122, Mã KQ 001092120.00 ban hành ngày 01/12/2024/
This report replaces the Ref. No 1Y278L0122, RP. No 001092120.00 issued on 01/12/2024)

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY TNHH TRIBECO BÌNH DƯƠNG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 8 đường số 11, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **26/11/2024**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **26/11/2024 - 01/12/2024**
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **NƯỚC CHANH TẮC HOÀNG KIM TRIC**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong lon nhôm kín**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng/ Calories	40	kcal/100mL	-	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (*) / Protein (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-001:2018
3	Chất béo (*) / Total Fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected	g/100mL	0.1	TS-KT-HCB-002:2018
4	Carbohydrat (*)/ Carbohydrate (*)	10.0	g/100mL	-	TS-KT-HCB-004:2020
5	Đường tổng số (tính theo glucose) (*)/ Total sugar (as glucose) (*)	9.57	g/100mL	-	TS-KT-HCB-003:2018 (Ref. TCVN 4594:1988)
6	Natri (Na) (*)/ Sodium (Na) (*)	21.7	mg/100mL	-	TS-KT-QP-01:2018 (Ref. TCVN 9588:2013, AOAC 999.11)
7	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-27:2021
8	Piperonyl butoxide (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-14:2020
9	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	< 1	CFU/mL	-	ISO 4833-1:2013/Amd1:2022
10	Coliforms (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
11	<i>Escherichia coli</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
12	<i>Streptococci faecal</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT-VS-31:2019
13	<i>Staphylococcus aureus</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	AOAC 975.55
14	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TS-KT VS-30:2019
15	<i>Clostridium perfringens</i> (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/Date of issue: 06/01/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y278L0122

Mã KQ/ RP. No: 001092120.01

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
16	Tổng số nấm men nấm mốc (*)/ Yeasts and Moulds (*)	< 1	CFU/mL	-	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
17	Diphenylamine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-SK-14:2020
18	Propagite	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2022
19	Patulin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.15	TS-KT-SK-65:2018 (Revised 2000.02)

Chú thích/ Remarks:

Theo phương pháp thử, khi không chứa bất kỳ khuẩn lạc nào trên đĩa, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (sản phẩm dạng khác) hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL (sản phẩm dạng lỏng) có nghĩa là không phát hiện vi sinh vật trên phần mẫu thử./ When there is no colony on the plate, the test method indicates that the result is less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL that mean not detected microbiology per testing sample.

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.

4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUYỄN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.